TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2019/HSPT
Ngày 22 tháng 3 năm 2019
" Ngân Văn Đ và đồng phạm
Giết người, Gây rối trật tự công cộng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công
Các thẩm phán: Ông Phạm Công Mười
Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Hồ Sĩ Hoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 328/2018/TLPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo Ngân Văn Đ và đồng phạm do bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Ngân Văn Đ, sinh năm 1993 tại tỉnh T; Thường trú: Thôn 12, xã Thọ Bình, huyện T, tỉnh T; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Thái; Con ông Ngân Văn Vinh và bà Lê Thị Phương; Anh chị em ruột có 02 người; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn L, sinh năm 1997 tại tỉnh T; Thường trú: Thôn 12, xã Thọ Bình, huyện T, tỉnh T; Chổ ở: Khu dân cư Đại Quang, Khu phố Tân Phú, phường Tân Bình, thị xã D, tỉnh B; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Lê Văn Bính và bà Lê Thị Tuyết; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Ngày 16/01/2017 đầu thú, bị tạm giam đến ngày 16/5/2017 tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Văn Q, sinh năm 1992 tại tỉnh T; Thường trú: Thôn Cầu Mây, xã Cẩm Sơn, huyện C, tỉnh T; Chổ ở: Khu dân cư Thuận Giao, Khu phố 2, phường

Thuận Giao, thị xã T, tỉnh B; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Mường; Con ông Trương Văn Vi và bà Trương Thị Khuyến; Anh chị em ruột có 02 người; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Ngày 16/01/2017 đầu thú, bị tạm giam đến ngày 16/5/2017 tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Hồ Phi C, sinh năm 1990 tại tỉnh C; Thường trú: ấp Bảy Ghe, xã Khánh Hải, huyện T, tỉnh C; Chỗ ở: Số E1/10, Tổ 6, Khu phố 3, phường An Phú, thị xã T, tỉnh B; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Hồ Hoàng Giang và bà Phan Thị Điệp; Anh chị em ruột có 02 người; Vợ Khương Thị Nhiễn (đã bỏ đi), có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị cáo tại ngoại điều tra, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

Bào chữa cho các bị cáo Ngân Văn Đ, Lê Văn L, Trương Văn Q có luật sư Nguyễn Hữu Học – Văn phòng luật sư Thắng Lợi thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị hại: Anh Huỳnh Công Đ1, sinh năm 1984 (chết)

Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:

- Chị Trương Thị Mỹ T, sinh năm 1986 (Vợ người bị hại) – Có mặt; Trú ấp Xuân Quang, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh T1.

- Ông Huỳnh Văn O, sinh năm 1964 (Cha của người bị hại – Vắng mặt);

- Bà Tống Thị Mỹ H, sinh năm 1962 (Mẹ của người bị hại) – Có mặt;

Đều trú ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Xương, huyện C1, tỉnh Đ;

Ngoài ra còn có 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 15/01/2017, Ngân Văn Đ, Lê Văn L, Trương Văn Q cùng uống bia tại quán Thảo Nguyên ở phường An Phú, thị xã T, tỉnh B. Tại quán, L điện thoại rủ bạn là Nguyễn Văn T1 đến cùng uống bia. Khi T1 đến quán thì thấy Đ, L, Q đều đã say nên T1 điện thoại nhờ bạn là Lê Văn C1 đến để chở L về phòng trọ, còn T1 đi về. Một lúc sau, C1 nhờ người bạn tên T2 (không rõ tung tích) điều khiển xe mô tô của T2 chở đến quán Thảo Nguyên thì gặp Đ, L và Q. C1 điều khiển xe mô tô biển số 61C1-379.87 (của L) chở L, Đ và Q về phòng trọ của L. Trên đường đi có một người điều khiển xe mô tô từ hướng ngược chiều đến chiếu đèn pha vào mặt Đ nên Đ kêu C1 quay xe lại đuổi theo để đánh người này. Do C1 không làm theo yêu

cầu của Đ nên Đ kêu C1 dừng xe lại và Đ dùng tay đánh C1 thì được L can ngăn. Sau đó L điều khiển xe mô tô chở Đ và Q về phòng trọ của L, còn C1 đứng lại bên đường.

Khi T1 về đến phòng trọ điện thoại cho C1 thì biết C1 đang đứng ngoài đường nên T1 điều khiển xe mô tô biển số 19S1-032.28 đến chở C1 về. C1 nói việc bị đánh nên T1 điều khiển xe chở C1 đến phòng trọ của L gặp L, Đ, Q hỏi lý do vì sao đánh C1. T1 dùng tay tát vào mặt Đ 01 cái thì được L, C1 can ngăn nên T1 chở C1 đi về.

Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, T1 gọi điện thoại cho L trách việc Đ đánh C1 thì L hẹn gặp T1 tại quán cà phê Đại Quang ở phường An Phú, thị xã T, tỉnh B để kêu Đ xin lỗi C1.

Sau khi hẹn với L, T1 gọi điện cho bạn là Huỳnh Công Đ1 kể lại chuyện C1 bị Đ đánh và nhờ Đ1 cùng đi đến quán Đại Quang gặp nhóm của L để nói chuyện. T1 dùng xe mô tô chở C1 đến quán Đại Quang.

Sau khi hẹn với T1 thì L nghĩ sẽ có đánh nhau nên L vào phòng trọ lấy con dao dài khoảng 40 cm, cán nhựa đen, lưỡi bằng kim loại, sắc nhọn đưa cho Đ và 01 con dao dài 31 cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 18 cm, cán nhựa đen dài 13 cm, mũi nhọn đưa cho Q, còn L lấy 01 cây ba khúc bằng kim loại màu đen giấu trong người để khi đến quán nếu có đánh nhau thì sử dụng. Sau đó, L, Đ, Q đi bộ đến quán Đại Quang uống nước.

Sau khi nghe điện thoại của T1, Đ1 đi bộ đến quán Đại Quang. Trên đường đi gặp Hồ Phi C nên Đ1 nhờ C dùng xe mô tô chở đến quán Đại Quang thì gặp L, Q, Đ đang ngồi uống nước. Lúc này T1 và C1 chưa đến quán. C dựng xe rồi cùng Đ1 đến hỏi Đ vì sao đánh C1 nhưng Đ không trả lời nên C dùng tay đánh vào mặt Đ một cái rồi lùi ra sau. Thấy Đ bị đánh, L và Q đứng dậy để đánh nhau. L dùng tay đẩy C ra, L làm rơi cây ba khúc xuống đất thì C nhặt cây ba khúc của L. Đ liền rút dao từ trong túi quần ra đâm một nhát vào vùng vai trái của Đ1. Đ1 quay lưng bỏ chạy thì Đ đâm tiếp một nhát vào vùng lưng, C nắm tay lôi Đ1 bỏ chạy thì Đ tiếp tục đuổi theo. Đ1 chạy khoảng 07 mét thì ngã xuống đất bất tỉnh. C tiếp tục bỏ chạy, còn Đ, L và Q bỏ trốn.

Khi T1 và C1 đến quán thì thấy Đ1 bị thương nên đưa Đ1 đi cấp cứu, nhưng Đ1 đã chết trên đường đến bệnh viện.

Ngày 16/01/2017 L và Q đến Công an tỉnh B đầu thú, còn Đ bị bắt vào ngày 20/01/2017 khi đang lẩn trốn tại huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

Kết luận giám định pháp y tử thi số 81/GĐPY ngày 20/01/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận nguyên nhân Huỳnh Công Đ1 chết là do choáng mất máu cấp (do tác động ngoại lực của vật sắc nhọn vào vùng vai thượng đòn (T) gây đứt động, tĩnh mạch dưới đòn, thủng phổi, rách động mạch thân cánh tay đầu, rách động mạch chủ lên đoạn trong bao tim).

Sau khi xảy ra sự việc, người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng cộng 312.078.000 đồng. Gia đình Ngân Văn Đ đã bồi thường 20.000.000 đồng; gia đình Lê Văn L và Trương Văn Q đã bồi thường 98.000.000 đồng và người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho các bị cáo.

Tại Bản cáo trạng số 05/QĐ-KSĐT.P2 ngày 19/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố Ngân Văn Đ, Lê Văn L, Trương Văn Q về tội *"Giết người"* theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999; Truy tố bị cáo Hồ Phi C về tội *"Gây rối trật tự công cộng"* theo quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HSST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Ngân Văn Đ, Lê Văn L, Trương Văn Q phạm tội *"Giết người";* Bị cáo Hồ Phi C phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng"*.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Ngân Văn Đ 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2017.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/01/2017 đến ngày 16/5/2017.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Trương Văn Q 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/01/2017 đến ngày 16/5/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 245; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Hồ Phi C 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí; tuyên về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/5/2018, bị cáo Ngân Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt với lý do hình phạt quá khắt khe, gia đình có công cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã khắc phục một phần hậu quả.

Ngày 23/5/2018, bị cáo Lê Văn L có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt với lý do hình phạt quá nặng, bị cáo đã hối lỗi, đầu thú, khắc phục hậu quả, gia đình có công cách mạng, đại diện người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Ngày 22/5/2018, bị cáo Trương Văn Q kháng cáo xin giảm hình phạt với lý do hình phạt quá nặng, bị cáo đã hối cải, đầu thú, khắc phục hậu quả, gia đình có công cách mạng, đại diện người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo.

Ngày 18/5/2018, bị cáo Hồ Phi C có đơn kháng cáo xin hưởng án treo với lý do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình có công cách mạng, hoàn cảnh gia đình éo le, bị vợ bỏ phải nuôi con dưới 03 tuổi.

Ngày 25/5/2018, người đại diện hợp pháp của người bị hại bà Tống Thị Mỹ H và chị Trương Thị Mỹ T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt cho các bị cáo Lê Văn L, Trương Văn Q và Hồ Phi C với lý do hình phạt đối với các bị cáo là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Ngân Văn Đ giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do gia đình có công cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã khắc phục một phần hậu quả.

Bị cáo Lê Văn L giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt với lý do bị cáo đã hối lỗi, đầu thú, khắc phục hậu quả, gia đình có công cách mạng, đại diện người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường thêm cho bà H 25.026.000 đồng và chị T 30.000.000 đồng.

Bị cáo Trương Văn Q giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt với lý do bị cáo đã hối cải, đầu thú, khắc phục hậu quả, gia đình có công cách mạng, đại diện người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường thêm cho bà H 2.000.000 đồng và chị T 7.000.000 đồng.

Bị cáo Hồ Phi C giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo với lý do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình có công cách mạng, hoàn cảnh gia đình éo le, bị vợ bỏ phải nuôi con dưới 03 tuổi. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường thêm cho chị T 10.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại bà Tống Thị Mỹ H và chị Trương Thị Mỹ T giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt cho các bị cáo Lê Văn L, Trương Văn Q và Hồ Phi C.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Ngân Văn Đ, Lê Văn L, Trương Văn Q đề nghị xem xét các bị cáo không có mâu thuẫn với người bị hại, người bị hại đánh bị cáo trước, các bị cáo đều có quá trình nhân thân tốt nên các bị cáo phạm tội không mang tính chất côn đồ, vì chỉ những người có nhân thân xấu, thường hay gây gổ mới

là côn đồ. Bị cáo L và bị cáo Q có tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh do bồi thường thêm thiệt hại, đề nghị xem xét tuyên các bị cáo mức hình phạt phù hợp.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Ngân Văn Đ, Lê Văn L, Trương Văn Q phạm tội *"Giết người"* quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999; Bị cáo Hồ Phi C phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng"* quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Bị cáo L có bồi thường thiệt hại là tình tiết giảm nhẹ mới, nên đề nghị giảm cho bị cáo L 01 năm tù; đối với các bị cáo còn lại không có tình tiết gì mới nên đề nghị bác kháng cáo của 03 bị cáo còn lại, đồng thời bác kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Đ, Q, C.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo và đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại đều trong hạn luật định, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định vào ngày 15/01/2017, Ngân Văn Đ, Lê Văn L và Trương Văn Q do mâu thuẫn nhỏ nhặt đã chuẩn bị hung khí nguy hiểm gồm dao nhọn, cây ba khúc để hẹn nhau giải quyết mâu thuẫn với Nguyễn Văn T1, Lê Văn C1. Khi đến điểm hẹn không gặp T1 và C1 nhưng lại bị Huỳnh Công Đ1 và Hồ Phi C đến hỏi chuyện và dùng tay đánh Đ thì bị cáo L và Q đứng dậy, L đẩy C ra thì bị cáo Đ dùng dao đâm vào vai và lưng của Đ1 dẫn đến tử vong. Chứng tỏ các bị cáo sẵn sàng sử dụng vũ lực để giải quyết các mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống, mang tính chất côn đồ. Do đó, Bản án sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Ngân Văn Đ, Lê Văn L và Trương Văn Q phạm tội *"Giết người"* quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Hồ Phi C phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng"* quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng con người, gây đau thương tang tóc cho gia đình người bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên phải xử phạt nghiêm.

[3] Bị cáo Ngân Văn Đ là người dùng dao nhọn đâm người bị hại, trực tiếp gây ra cái chết của người bị hại. Bản án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ "khắc phục một phần hậu quả", đồng thời còn áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ khác gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại cũng có một phần lỗi, bị cáo là người dân tộc thiểu số, ông nội của bị cáo là người có công với nước nên đã xử phạt

bị cáo 17 năm tù là phù hợp. Pháp luật chưa có quy định "Hoàn cảnh gia đình khó khăn" là tình tiết giảm nhẹ, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ để giảm nhẹ thêm hình phạt và do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của luật sư, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Ngân Văn Đ theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Bị cáo Lê Văn L là người hẹn đánh nhau, cung cấp hung khí cho bị cáo Ngân Văn Đ, Trương Văn Q để đánh nhau nên bị cáo phạm tội với vai trò là đồng phạm, bị cáo đã giúp sức rất tích cực. Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết bị cáo đã hối cải, đầu thú, khắc phục hậu quả, gia đình có công cách mạng, đại diện người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo; Đồng thời còn áp dụng thêm tình tiết người bị hại cũng có một phần lỗi làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo nên đã xử phạt bị cáo 13 năm tù là tương xứng. Việc bị cáo tiếp tục bồi thường cũng là để thực hiện trách nhiệm bồi thường theo bản án sơ thẩm, không ảnh hưởng đáng kể nên không có căn cứ để giảm nhẹ thêm hình phạt và do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại, của luật sư và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Lê Văn L.

[5] Bị cáo Trương Văn Q nhận hung khí (con dao) do bị cáo L đưa và cùng với bị cáo Đ, bị cáo L đến điểm hẹn để đánh nhau nên bị cáo phạm tội với vai trò là đồng phạm, giúp sức về tinh thần. Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết bị cáo đã hối cải, đầu thú, khắc phục hậu quả, gia đình có công cách mạng, đại diện người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo và còn áp dụng thêm tình tiết người bị hại cũng có một phần lỗi, bị cáo là người dân tộc thiểu số làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo nên đã xử phạt bị cáo 08 năm tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng nên không có căn cứ để giảm nhẹ thêm và do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại và đề nghị của luật sư, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Trương Văn Q theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[6] Bị cáo Hồ Phi C tham gia đánh nhau, làm náo loạn, mất trật tự nơi công cộng dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, chết người nên việc cho bị cáo hưởng án treo sẽ không đảm bảo tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Các tình tiết hoàn cảnh gia đình éo le, vợ bỏ một mình nuôi con dưới 03 tuổi là điều kiện để xin hoãn thi hành án, không phải là tình tiết để cho hưởng án treo. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại và đề nghị của luật sư, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Hồ Phi C theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên tất cả các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngân Văn Đ, Lê Văn L, Trương Văn Q, Hồ Phi C và không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại bà Tống Thị Mỹ H và chị Trương Thị Mỹ T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2018/HSST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

[2]. Tuyên bố các bị cáo Ngân Văn Đ, Lê Văn L, Trương Văn Q phạm tội *"Giết người";* Bị cáo Hồ Phi C phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng"*.

2.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Ngân Văn Đ 17 *(Mười bảy)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/01/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2.2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 13 *(Mười ba)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/01/2017 đến ngày 16/5/2017.

2.3. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; các điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Trương Văn Q 08 *(Tám)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 16/01/2017 đến ngày 16/5/2017.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 245; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Hồ Phi C 01 *(Một)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

[3] Mỗi bị cáo Ngân Văn Đ, Lê Văn L, Trương Văn Q, Hồ Phi C phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)*/bị cáo.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC
- Viện Trưởng VKSNDTC
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B;
- Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh T; tỉnh C;
- Cục THADS tỉnh B;
- Trại tạm giam Công an tỉnh B (Trại tạm giam Công an tỉnh B tống đạt cho bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công